

Bản án số: **75/2020/HS-PT**.  
Ngày: 08-9-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Hữu

*Các Thẩm phán:* Bà Tăng Thị Thúy Nga  
Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 08-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2020/TLPT-HS, ngày 13-8-2020 đối với bị cáo Lưu Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị cáo có kháng cáo:** Lưu Văn Đ; Sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (sống); Có vợ là Lê Thị Thúy K, sinh năm 1981 (đã chết) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31-12-2019 cho đến nay. (có mặt)

**- Người bào chữa:** Ông Vũ Ngọc C - Luật sư Văn phòng luật sư V, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số A, đường A, khu dân cư A, phường A, quận A, TP. Cần Thơ. (có mặt)

**- Bị hại:** Ông Ngô Văn H; Sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Thúy K với Lưu Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2004, có với nhau hai người con chung. Sau một thời gian chung sống thì đến năm 2017, giữa

K và Đ xảy ra mâu thuẫn nên Đ bỏ đi làm xa ít khi về nhà. Sau đó thì Đ biết được K có mối quan hệ tình cảm với Ngô Văn H là người ở cùng ấp.

Ngày 09-9-2017, hay tin cha bệnh nên Lưu Văn Đ rủ người anh rể là Lê Văn U về thăm cha đồng thời xem K có ngoại tình hay không. Trên đường về Đ có mang theo một cây dao Thái Lan giấu trong người. Khi về đến nhà khoảng 20 giờ cùng ngày Đ có cầm theo một đoạn ống tiếp bằng kim loại ra phía sau nhà ẩn núp. Khoảng 30 phút sau thì thấy H đi đến nhà tìm K đi từ đường cửa sau vào nhà. Đợi thêm khoảng 15 phút sau Đ tông cửa nhà sau chạy vào thì thấy K và H đang ở trong phòng. Thấy vậy K ôm Đ lại để cho H bỏ chạy cùng lúc đó Đ dùng tiếp sắt đánh trúng vào đầu và tay của K còn H khi bỏ chạy thì bị Đ dùng ống tiếp sắt đánh trúng vào đầu bất tỉnh.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 195/TgT- PY, ngày 03-11-2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây của Lê Thị Thúy K là 20%. Tổn thương do vật tày gây nên. Trong đó: Sẹo mất tóc vùng đỉnh – Chẩm, kích thước 05cm x 0,3cm, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 05%; Hai sẹo mu bàn tay phải, kích thước 0,5cm x 0,1cm và 0,5cm x 0,1cm biến dạng đốt bàn ngón V bàn tay phải, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 16%; Các vết bầm tím ngực phải, gối phải, cổ chân phải đã được điều trị, không còn di chứng tổn thương, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 00%;

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 195/TgT- PY, ngày 03-11-2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Ngô Văn H là 33%. Trong đó: Hai sẹo mất tóc vùng đầu do bị đánh, kích thước 04cm x 01cm và 08cm x 0,4cm gây lõm sọ được phẫu thuật vùng đầu bên phải, kích thước 11cm x 0,4cm. Chụp X quang khuyết sọ vùng trán đỉnh phải. Tỉ lệ tổn thương cơ thể là 30%; Sẹo phần mềm ngang 1/3 mặt sau cằm tay phải, kích thước 5,5cm x 0,4cm, chức năng cằm tay phải không bị hạn chế, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 04%; Tổn thương cằm tay phải do vật sắt gây nên; Tổn thương vùng đầu do vật tày gây nên, để lại di chứng đau đầu thường xuyên, gây ảnh hưởng thẩm mỹ, là vùng nguy hiểm đến tính mạng.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.
- Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Ngô Văn H số tiền 51.532.785đ (Năm mươi một triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

\* Ngày 17-7-2020, bị cáo Lưu Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt, yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị hại Ngô Văn H về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” theo quy định tại Điều 182 của Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lưu Văn Đ giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt, yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị hại Ngô Văn H về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” theo quy định tại Điều 182 của Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lưu Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm án cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự và yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị hại Ngô Văn H.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân phạm tội, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tinh tiết giảm nhẹ là bị cáo bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có ý định gây thương tích cho các bị hại nhưng do bị hại Kiều tấn công bị cáo trước nên bị cáo mới chống trả lại; Về phần trách nhiệm dân sự bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại H thời gian nằm viện lần đầu là 09 ngày. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xem xét giảm tiền bồi thường của bị cáo Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Văn Đ lập và nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện T vào ngày 17-7-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm hình phạt, xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị hại Ngô Văn H về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Văn Đ: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận, vào khoảng 21 giờ ngày 09-9-2017, tại nhà của bà Lê Thị Thúy K thuộc ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Đ tông cửa nhà sau chạy vào thì thấy K và H đang ở trong phòng, thấy vậy Kiều ôm Đ lại để cho H bỏ

chạy cùng lúc đó Đ dùng tiếp sắt đánh trúng vào đầu và tay của K còn H khi bỏ chạy thì bị Đ dùng ống tiếp sắt đánh trúng vào đầu bất tỉnh. Theo kết luận giám định thì Lê Thị Thúy K bị tổn thương cơ thể là 20%, Ngô Văn H bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ là 33%. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Lưu Văn Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt: Đối với bị cáo, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo; bị cáo là người có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét việc bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra*” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ, bởi vì: Trong vụ án này, mặc dù bị hại Kiều và bị hại H có một phần lỗi, nhưng bị cáo đã chuẩn bị hung khí là đoạn ống tiếp bằng kim loại từ trước và ẩn núp phía sau nhà bị hại K, khi bị cáo xông vào nhà và thấy các bị hại thì bị cáo liền dùng ống tiếp sắt đánh các bị hại gây nên thương tích, nên hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp kích động về tinh thần. Ngoài ra, bị cáo kháng cáo đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là gia đình bị cáo có công với cách mạng nhưng bị cáo không chứng minh được người có công với cách mạng là ông Lưu Văn C (C) có mối quan hệ là bác ruột của bị cáo cũng như có mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng giữa bị cáo và ông C (C) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị cáo. Căn cứ vào mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 06 năm tù là có căn cứ, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm dân sự: Bị cáo gây thương tích cho bị hại Ngô Văn H với tỷ lệ 33%, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 51.532.785 đồng (trong đó: Tiền toa vé điều trị là 11.782.785 đồng; tiền tàu xe là 6.000.000 đồng; tiền công lao động người bệnh là 5.000.000 đồng; tiền công lao động người nuôi bệnh là 3.750.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 25.000.000 đồng). Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tiền toa vé điều trị là 11.782.785 đồng là phù hợp với các toa vé bị hại cung cấp; Đối với tiền công lao động của người bệnh và người nuôi bệnh: Bị

hại H nằm viện 02 lần (Lần 1 từ ngày 10-9-2017 đến ngày 18-9-2017 là 9 ngày (BL 62); lần 2 từ ngày 18-12-2017 đến ngày 03-01-2018 là 17 ngày (BL 363)), tổng cộng số ngày nằm viện là 25 ngày, trên cơ sở đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền công lao động của người bệnh là 25 ngày x 200.000 đồng = 5.000.000 đồng và tiền công lao động của người nuôi bệnh là 25 ngày x 150.000 đồng = 3.750.000 đồng là có căn cứ, bị cáo kháng cáo cho rằng bị hại chỉ nằm viện 09 ngày là không có cơ sở. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tiền tàu xe là 6.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 25.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào các điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại H số tiền tổng cộng là 51.532.785 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

[5] Về kháng cáo của bị cáo, về việc yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của bị hại Ngô Văn H về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy chưa đủ căn cứ xác định bị hại H “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” theo quy định tại Điều 182 của Bộ luật Hình sự nên kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b, e khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lưu Văn Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Văn Đ, về việc xin giảm nhẹ hình phạt, yêu cầu xem xét lại phân trách nhiệm dân sự và xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị hại Ngô Văn H về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” theo quy định tại Điều 182 của Bộ luật Hình sự.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ 06 (Sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b, e khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Lưu Văn Đ chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện T (02);
- VKSND huyện T (01);
- CQĐT - Công an huyện T (01);
- CQTHAHS-Công an T (01);
- Chi cục THADS huyện T (01);
- Bị cáo; BH; NBC (03).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký và đóng dấu*

**Nguyễn Thành Hữu**